



VINFAST



SẢN PHẨM VF6

Phòng đào tạo

Tháng 9/2024

PHÚC NGUYỄN

Giảng viên đào tạo nội bộ



phucdhkt2016@gmail.com



0916.865.158



Vinfast Phúc Thành Quảng Bình

KÍCH THƯỚC & TẢI TRỌNG	VF6S	VF6 PLUS
KÍCH THƯỚC & TẢI TRỌNG		
Chiều dài cơ sở (mm)	2.730	2.730
Dài x Rộng x Cao (mm)	4.241 x 1.834 x 1.580	4.241 x 1.834 x 1.580
Khoảng sáng gầm xe không tải (mm)	170	170
Dung tích khoang chứa hành lý (L) – Có hàng ghế cuối	350	350
Dung tích khoang chứa hành lý (L) – Gập hàng ghế cuối	1.275	1.275
Tải trọng (kg)	375	375

NGOẠI THẤT	VF6S	VF6 PLUS
ĐÈN PHA		
Đèn pha	LED	LED
Đèn chờ dẫn đường	Có	Có
Đèn tự động bật/tắt	Có	Có
Điều khiển góc chiếu pha thông minh		Có (tự động)
ĐÈN NGOẠI THẤT KHÁC		
Đèn chiếu sáng ban ngày	LED	LED
Đèn chào mừng	Có	Có
Đèn gương mù sau	Tám phản quang	Tám phản quang
Đèn hậu	LED	LED
Đèn nhận diện thương hiệu phía trước	Có	Có
Đèn nhận diện thương hiệu phía sau	Có (Dạng phản quang)	Có
GƯƠNG		
Gương chiếu hậu: chỉnh điện	Có	Có
Gương chiếu hậu: báo rẽ	Có	Có
Gương chiếu hậu: gập điện		Có
Gương chiếu hậu: sấy mặt gương		Có
Gương chiếu hậu: tự động chỉnh khi lùi		Có

NGOẠI THẤT	VF6S	VF6 PLUS
CỬA		
Tay nắm cửa	Loại truyền thống	Loại truyền thống
Cơ chế lấy mở cửa	Lấy cơ	Lấy cơ
Kính cửa sổ màu đen (riêng tư)		Có
Kính cửa sổ lên xuống 1 chạm	Có (4 cửa)	Có (4 cửa)
Viền cửa sổ	Mạ chrome	Mạ chrome
Thanh nẹp cửa	Mạ chrome	Mạ chrome
CÓP		
Điều chỉnh cốp sau	Chỉnh cơ	Chỉnh cơ
Sưởi kính sau	Có	Có
NGOẠI THẤT KHÁC		
Kính chắn gió, chống tia UV	Có (cách âm nhiều lớp)	Có (cách âm nhiều lớp)
Gạt mưa trước tự động	Có	Có
Gạt mưa sau	Có	Có
Thanh trang trí nóc xe	Astersales	Astersales
Tấm bảo vệ dưới thân xe	Có	Có

NỘI THẤT & TIỆN NGHI	VF6S	VF6 PLUS
GHẾ TOÀN XE		
Số chỗ ngồi	5	5
Chất liệu bọc ghế	Da nhân tạo	Da nhân tạo
GHẾ LÁI		
Ghế lái – điều chỉnh hướng	Chỉnh cơ 6 hướng	Chỉnh điện 8 hướng
Tựa đầu ghế lái	Chỉnh cơ cao cấp	Chỉnh cơ cao thấp
Ghế lái có thông gió		Có
GHẾ PHỤ		
Ghế phụ - điều chỉnh hướng	Chỉnh cơ 4 hướng	Chỉnh cơ 4 hướng
Tựa đầu ghế phụ	Chỉnh cơ cao cấp	Chỉnh cơ cao cấp
Ghế phụ có thông gió		Có
GHẾ HÀNG 2		
Hàng ghế thứ 2 điều chỉnh gập tỉ lệ	60:40	60:40
Bệ gác tay hàng ghế 2	Có tích hợp hộc để cốc	Có tích hợp hộc để cốc
VÔ LĂNG		
Điều chỉnh vô lăng	Cơ 4 hướng	Cơ 4 hướng
Vô lăng: nút bấm điều khiển tính năng giải trí	Có	Có
Vô lăng: nút bấm điều khiển ADAS		Có

NỘI THẤT & TIỆN NGHI	VF6S	VF6 PLUS
ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ		
Hệ thống điều hòa	Tự động, 1 vùng	Tự động, 2 vùng
Lọc không khí Cabin	Bụi/Phần hoa	Cambi 1.0
Chức năng làm tan sương/tan băng	Có	Có
Cửa gió điều hòa hàng ghế thứ 2: trên hộp để đồ trung tâm	Có	Có
Chức năng ion hóa không khí		Có
Chức năng kiểm soát chất lượng không khí		Có
MÀN HÌNH, KẾT NỐI, GIẢI TRÍ, TIỆN NGHI		
Màn hình giải trí cảm ứng (inch)	12.9	12.9
Màn hình hiển thị HUD	OPT	Có
Cổng kết nối USB loại A hàng ghế lái	2	2
Cổng kết nối USB loại A hàng ghế thứ 2		2
Cổng sạc 12V hàng trước	Có	Có
Kết nối Wi - Fi	Có	Có
Kết nối Bluetooth	Có	Có
Chìa khóa	Chìa khóa thông minh	Chìa khóa thông minh
Khởi động bằng bàn đạp phanh	Có	Có

NỘI THẤT & TIỆN NGHI	VF6S	VF6 PLUS
HỆ THỐNG LOA		
Hệ thống loa	6	8
HỆ THỐNG ĐÈN NỘI THẤT		
Đèn trần phía trước	Có	Có
Microphone ở đèn trần phía trước trong xe	Có	Có
Đèn trần đọc sách hàng ghế 2	Có	Có
Tấm che nắng có gương	Ghế lái và ghế phụ	Ghế lái và ghế phụ
NỘI THẤT & TIỆN NGHI KHÁC		
Phanh tay	Điện tử	Điện tử
Tay nắm trần xe	Có	Có
Tấm chia đôi cốp xe	Aftersales	Aftersales
Lưới chằng đồ	Aftersales	Aftersales
Thảm sàn	Aftersales	Aftersales
Khay đựng dụng cụ sửa xe	Aftersales	Aftersales
Thảm sàn khoang cốp	Aftersales	Aftersales
Móc kéo tời	Có	Có
Kích xe	Aftersales	Aftersales
Gương chiếu hậu trong xe	Loại thường	Loại thường

HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG	VF6S	VF6 PLUS
ĐỘNG CƠ		
Động cơ	1 Động cơ	1 Động cơ
Công suất tối đa (kW)	130	150
Mô men xoắn cực đại (Nm)	250	310
Tốc độ tối đa (km/h)	150	175
Tăng tốc 0 – 100 km/h (s)	<10.5	8.89
PIN		
Loại pin	LFP VNES CKD	LFP VNES CKD
Dung lượng pin (kWh) – khả năng	59.6	59.6
Quãng đường chạy một lần sạc đầy (km) – tiêu chuẩn NEDC***	480	460
Chuẩn sạc – trạm sạc công cộng	Plug & Charge, Auto Charge	Plug & Charge, Auto Charge
Dây sạc di động	Aftersales – 3.5 kW	Aftersales – 3.5 kW
Bộ sạc tại nhà (kW)	7.4 (OPT 11)	7.4 (OPT 11)
Công suất sạc AC tối đa (kW)	7.2 (OPT 11)	7.2 (OPT 11)
Tính năng sạc nhanh/ sạc siêu nhanh	Có	Có
Hệ thống phanh tái sinh	Có (thấp, cao)	Có (thấp, cao)
Thời gian nạp pin bình thường (giờ)	6,7 giờ với bộ sạc 11 kW (0 – 100%)	6,7 giờ với bộ sạc 11 kW (0 – 100%)
Thời gian nạp pin nhanh nhất (phút)	25 phút với bộ sạc 250 kW (10 – 70%)	25 phút với bộ sạc 250 kW (10 – 70%)
THÔNG SỐ TRUYỀN ĐỘNG KHÁC		
Dẫn động	FWD/Cầu trước	FWD/Cầu trước
Chọn chế độ lái	Eco/Normal/Sport	Eco/Normal/Sport
Kiểm soát hành trình cơ bản		

AN TOÀN & VÀ AN NINH	VF6S	VF6 PLUS
Mức đánh giá an toàn		ASEAN NCAP 5*
Hệ thống chống bó cứng phanh ABS	Có	Có
Chức năng phân phối lực phanh điện tử EBD	Có	Có
Hỗ trợ phanh khẩn cấp BA	Có	Có
Hệ thống cân bằng điện tử ESC	Có	Có
Chức năng kiểm soát lực kéo TCS	Có	Có
Hỗ trợ khởi hành ngang dốc HSA	Có	Có
Chức năng chống lật ROM	Có	Có
Đèn báo phanh khẩn cấp ESS	Có	Có
Giảm áp suất lốp	dTPMS	dTPMS
Khóa cửa xe tự động khi xe di chuyển	Có	Có
Căng đai khẩn cấp ghế trước	Có	Có
Căng đai khẩn cấp ghế hàng 2	Có	Có
Xác định tình trạng hành khách – ghế trước	Có	Có
Cảnh báo chống trộm	Có	Có
Tính năng khóa động cơ khi có trộm	Có	Có
Móc cố định ghế trẻ em ISOFIX hàng ghế thứ 2	Có	Có
HỆ THỐNG TÚI KHÍ		
Túi khí phía trước lái và hành khách phía trước	2	2
Túi khí bên hông hàng ghế trước	2	2
Túi khí trung tâm hàng ghế trước		1
Túi khí rèm		2
Túi khí bảo vệ chân hàng ghế trước		1
Tự động ngắt túi khí khi có ghế an toàn trẻ dưới 3 tuổi	Có	Có

CÁC TÍNH NĂNG ADAS	VF6S	VF6 PLUS
TRỢ LÁI TRÊN CAO TỐC		
Hỗ trợ di chuyển khi ùng tắc (cấp độ 2)*		Có
Hỗ trợ lái trên đường cao tốc (cấp độ 2)*		Có
TRỢ LÀN		
Cảnh báo chệch làn		Có
Điều chỉnh tốc độ thông minh		Có
Nhận biết biển báo giao thông		Có
HỖ TRỢ TỰ ĐỘNG CHUYỂN LÀN		
Tự động chuyển làn		Có
GIÁM SÁT HÀNH TRÌNH		
Giám sát hành trình thích ứng		Có
Điều chỉnh tốc độ thông minh*		Có
Nhận biết biển báo giao thông *		Có
CẢNH BÁO VA CHẠM		
Cảnh báo va chạm phía trước		Có
Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau		Có
Cảnh báo điểm mù	Có	Có
Cảnh báo mở cửa		Có

CÁC TÍNH NĂNG ADAS	VF6S	VF6 PLUS
TRỢ LÁI KHI CÓ NGUY CƠ VA CHẠM		
Phanh tự động khẩn cấp phía trước		Có
Phanh tự động khẩn cấp phía sau*		Có
Hỗ trợ giữ làn khẩn cấp		Có
HỖ TRỢ ĐỖ XE		
Hỗ trợ đỗ phía trước	Có	Có
Hỗ trợ đỗ phía sau	Có	Có
Hỗ trợ đỗ xe thông minh*		OPT (2025)
Hỗ trợ đỗ xe từ xa*		OPT (2025)
Hệ thống camera sau	Có	Có
Giám sát xung quanh		Có
ĐÈN PHA TỰ ĐỘNG VÀ & TÍNH NĂNG KHÁC		
Đèn pha tự động/Đèn pha thích ứng		Có
Hệ thống giám sát lái xe*		Có

CÁC TÍNH NĂNG THÔNG MINH**	VF6S	VF6 PLUS
TRỢ LÝ ẢO	Có	Có
CÁC CHẾ ĐỘ VẬN HÀNH ĐẶC BIỆT	Có	Có
QUẢN LÝ KẾT NỐI	Có	Có
QUẢN LÝ SẠC	Có	Có
HỒ SƠ NGƯỜI DÙNG CƠ BẢN/NÂNG CAO	Có	Có
GIẢI TRÍ CƠ BẢN/TRỰC TUYẾN	Có	Có
KẾT NỐI VỚI ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH	Có	Có
ĐIỀU HƯỚNG – DẪN ĐƯỜNG CƠ BẢN/NÂNG CAO	Có	Có
TIỆN ÍCH GIA ĐÌNH & VĂN PHÒNG	Có	Có
CẬP NHẬT PHẦN MỀM MIỄN PHÍ	Có	Có
TÍNH NĂNG THÔNG MINH TRÊN ĐIỆN THOẠI (C-APP)	Có	Có

DỊCH VỤ HẬU MÃI CỰC TỐT



CHÍNH SÁCH HẬU MÃI ĐẶC BIỆT DÀNH CHO XE VINFAST

PHẠM VI: áp dụng đối với xe Ô TÔ ĐIỆN VÀ XĂNG VINFAST

Trường hợp 1: Lỗi gây bất tiện cho KH

Xe vẫn di chuyển được tuy nhiên có lỗi gây bất tiện cho khách hàng
(số tiền hỗ trợ chỉ tính 1 lần cho đến khi KH mang xe đến xưởng dịch vụ để sửa)

MỨC HỖ TRỢ: **1.000.000 VNĐ/xe/lượt**

Trường hợp 2: : Lỗi không di chuyển được

Xe không di chuyển được cần phải cứu hộ về xưởng dịch vụ.
Chi phí cứu hộ do VinFast chi trả.

MỨC HỖ TRỢ: **2.000.000 VNĐ/xe/lượt**

Trường hợp 3: Xe sửa chữa dài ngày

Các xe sửa chữa dài quá 3 ngày

MỨC HỖ TRỢ: **1.000.000 VNĐ/xe/ngày**
Kể từ ngày thứ 4



VINFAST

Trân trọng cảm ơn!

[www.vinfastauto.co
m](http://www.vinfastauto.com)